TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn

2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Trần Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 556/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1977.**

Địa chỉ: B65, tổ 30, khu phố 5, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1972.**

Địa chỉ: B65, tổ 30, khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T trình bày:

Chị và T2 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Nay tình cảm của chị dành cho anh T2 không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị và anh T2 có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh Thảo, sinh ngày 13/02/2002 và Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 31/7/2008. Ly hôn, chị yêu cầu đươc trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận đi làm nên đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T2 phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T; giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 31/7/2008 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời anh T2 không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thị Thanh Thảo, sinh ngày 13/02/2002, đến thời điểm xét xử cháu đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, tự thỏa thuận nợ chung chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1972, trú tại: B65, tổ 30, khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T2 đầy đủ, tuy nhiên anh T2 vắng mặt không có lý đo chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị T và anh T2 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2001 tại UBND phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T2 có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì chị T và anh T2 không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh T2 đến Toà để làm việc, dự phiên họp về Tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai anh chị có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng anh T2 không đến. Điều này chứng tỏ chị T và anh T2 không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T2 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T2.

[4] **Về con chung**: Chị T và anh T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh Thảo, sinh ngày 13/02/2002 và Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 31/7/2008. Chị T có nguyện vọng đươc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh T2 không đến Tòa án làm việc cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung. Đồng thời, cháu Thảo và cháu Thư có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên, thời điểm xét xử vụ án cháu Thảo đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Do đó, giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh Thư cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] **Về tài sản chung:** Chị T trình bày tự thỏa thuận; nợ chung: Chị T trình bày không có. Tuy nhiên, do anh T2 vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] **Về án phí**: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T. Chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn với Nguyễn Ngọc T2.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 31/7/2008 cho chị Phạm Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Nguyễn Ngọc T2.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo phiếu thu số 0008102 ngày 16/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị T đã nộp xong án phí.

Chị Phạm Thị Thanh T và anh Nguyễn Ngọc T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai (số ĐKKH 16/2001, ngày 18/4/2001);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải